

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đăng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tìl

2. Ông Lê Tấn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 482/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ST**

Trụ sở: số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Thanh L – Chuyên viên quản lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 1446/2020/UQ-CNCT ngày 07/10/2020) (có mặt)

Bị đơn: ông **Lê Văn B**, sinh năm 1968 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Thanh Di, xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP ST có ông Hồ Thanh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP ST – Chi nhánh Cần Thơ – PGD Ô Môn có ký với ông Lê Văn B hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.130.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông B đã thanh toán cho ngân hàng được số tiền 26.023.000 đồng. Tính đến ngày

24/6/2021, ông B còn nợ Ngân hàng TMCP ST số tiền vốn là 5.383.466 đồng và 4.693.257 đồng nợ lãi quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP ST yêu cầu ông B trả cho ngân hàng số tiền trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà hôm nay: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc ông B trả số tiền vay còn nợ đến ngày 30/9/2021 là 10.643.849 đồng và trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Bị đơn ông B vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 20/9/2021 và ngày 30/9/2021 có giao các quyết định theo quy định nhưng ông Lê Văn B vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ST (sau đây gọi tắt là ngân hàng) thì nhận thấy: Ngân hàng có cho ông Lê Văn B vay tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Trong quá trình vay, ông B đã thanh toán được số tiền là 26.023.000 đồng (gồm 9.746.534 đồng tiền vốn, tiền lãi là 11.576.245 đồng và phí là 4.700.221 đồng tính đến ngày 05/4/2019), số còn lại chưa thanh toán.

Phía ông B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo hồ sơ thể hiện thì sau khi thực hiện các giao dịch theo hợp đồng mở thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng thì ông B đã trả được 26.023.000 đồng (gồm vốn và lãi). Hiện ông B còn nợ ngân hàng số tiền vốn là 5.383.466 đồng, lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 5.260.383 đồng. Tổng vốn và lãi là 10.643.849 đồng.

Do bị đơn ông Lê Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và vốn vay cho ngân hàng theo như thỏa thuận giữa hai bên, cũng như không chứng minh được đã thanh toán đủ tiền vốn và lãi đã vay cho ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Cần buộc ông B phải trả cho ngân hàng số tiền vốn vay cho khoản vay nêu trên là 5.383.466 đồng, lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 5.260.383 đồng. Tổng vốn và lãi là 10.643.849 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ST.
2. Buộc ông Lê Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP ST số tiền vay là 10.643.849 đồng (mười triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: ông Lê Văn B phải nộp 532.192 đồng (năm trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP ST được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005001 ngày 01/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thụy Đăng Phụng